

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	14	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	14	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	2308.22	
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	1004.76	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	851.2	3.74 m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	155.61	0.69 m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)		
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	53.2	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	53.2	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	106.4	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	14	
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	14	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	27 (Bộ thang bằng vận động: 1 bộ; Thang leo thang bằng: 1 bộ; Bộ vận động nhà trẻ: 1 bộ; Khối Mouse vận động : 1 bộ; Bộ đồ chơi giao thông: 1 bộ; Xe đạp 3 bánh Italtrike: 10 bộ; Xích đi rồng	

		vàng: 1 bộ; Cầu tuột liên hoàn: 1 bộ; Đu quay mâm 6 con thú :1 bộ Bập bênh thú: 4 bộ; Cầu tuột 2 máng nhà trẻ : 1 bộ; Bập bênh lò xo đơn 2 thú : 4 bộ)	
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	14	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	14	1/lớp bán trú
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	Đàn organ:14 Đàn Organ dành cho trẻ: 20 Đàn Organ GV: 1	1/lớp bán trú
3	Máy phô tô	1	
5	Catsset	14	1/lớp
6	Đầu Video/đầu đĩa	14	1/lớp bán trú
7	Bàn ghế đúng quy cách	276	
8	Thiết bị khác	Máy hấp khăn: 01 Tủ hấp chén : 01 Máy giặt: 3 cái Tủ lạnh : 01 Tủ lưu: 01 Tủ hấp cơm: 01	

X	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	21	1	17	0.95	0.95
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XV	Tường rào xây	X	

Bình Tân, ngày 01 tháng..06..năm 2024

Thủ trưởng đơn vị


Nguyễn Thu Hiền

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Thực hiện tuyển sinh theo quy định, điều lệ trường mầm non - 01 lớp 6-18 tháng - 01 lớp 25 – 36 tháng - Đảm bảo phòng học các nhóm được lót sàn gỗ hoặc simili, diện tích các phòng đảm bảo cho số lượng trẻ - Trang bị đầy đủ đồ chơi cho các nhóm lớp, khu vực vận động cho trẻ - Đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ - Số lượng GV: 05GV + Chuẩn GV: 5/5 khá + Hạng chức danh nghề nghiệp: 05 GV hạng III - 04 GV có trình độ Đại học và 01 GV có trình độ cao đẳng	- Thực hiện tuyển sinh theo quy định, điều lệ trường mầm non - 02 lớp 3 – 4 tuổi - 02 lớp 4 – 5 tuổi - 04 lớp 5 – 6 tuổi - Đảm bảo diện tích các phòng học cho số lượng trẻ. - Các phòng chức năng được lót sàn gỗ và trang bị đầy đủ các dụng cụ, đồ dùng. - Trang bị đầy đủ đồ chơi cho các nhóm lớp, khu vực vận động và lịch hoạt động theo từng khu vực. - Đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ - Số lượng GV: 16 GV + Chuẩn GV: 3/16 Tốt, 13/16 Khá + Hạng chức danh nghề nghiệp: 02 GV hạng II, 13 GV hạng III, 01 GV hạng IV -15 GV có trình độ đại học, 01 GV có trình độ trung cấp - 03 GV tốt có trình độ TC lý luận hành chính – chính trị. - 01 GV đã nộp hồ sơ đăng ký học trung cấp lý luận hành chính – chính trị - 01 GV đang tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn (Trung cấp->đại học) -
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Triển khai và chỉ đạo việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non (Chương trình ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT và theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT)	Triển khai và chỉ đạo việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non (Chương trình ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT và theo Thông tư

			28/2016/TT-BGDĐT)
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- 100% trẻ được theo dõi về sức khỏe. - Đạt 100% trẻ có cân nặng, chiều cao bình thường - Giúp trẻ phát triển tốt về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội. - Hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng	- 100% trẻ được theo dõi về sức khỏe. - Đạt 99.5% trẻ có cân nặng, chiều cao bình thường - Giúp trẻ phát triển tốt về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội. - Hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng - Giáo dục những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng ẩn nhằm giúp trẻ có nền tảng tốt để chuẩn bị cho các lớp học tiếp theo.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Trang bị cơ sở vật chất bán trú để đảm bảo công tác chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng trẻ đạt tốt. - Trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi các nhóm lớp, các đồ chơi phát triển vận động... để đảm bảo tốt hoạt động vui chơi và học tập cho trẻ. - Cải tạo sân chơi, vườn cây của bé, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp.	

Bình Tân, ngày 01 tháng...6...năm.2024



Nguyễn Thu Hiền

UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG MẦM NON
TÂN TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, Năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên															
I	Giáo viên	21	0	0	19	01	01	0	01	12	02	03	18	0	0
1	Nhà trẻ	5	0	0	4	1	0	0	0	5	0	0	5	0	0
2	Mẫu giáo	16	0	0	15	0	1	0	1	13	2	3	13	0	0
II	Cán bộ quản lý	3	0	1	2	0	0	0	0	1	2	1	2	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	0	2	0	0	0	0	1	1	0	2	0	0
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư	1	0	0	0	0	1	0							
2	Nhân viên kế toán	0	0	0	0	0	0	0							
3	Thủ quỹ	1	0	0	1	0	0	0							
4	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	0							
5	Nhân viên thư viện	0	0	0	0	0	0	0							
6	Nhân viên khác	5	0	0	0	0	0	5							

Bình Tân, ngày 01 tháng..6..năm..2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thu Hiền

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, Năm học 2023-2024

Đơn vị tính: trẻ em

S T T	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	250	0	11	23	52	61	103
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	250	0	11	23	52	61	103
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	250	0	11	23	52	61	103
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	250	0	11	23	52	61	103
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	250	0	11	23	52	61	103
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	250	0	11	23	52	61	103
1	Số trẻ cân nặng bình thường	250	0	11	23	52	61	102
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	0	0	0	0	0	0	0
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0	0	0	0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	0	0	0	0	0	0	1
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	250	0	11	23	52	61	103
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	34	0	11	23	0	0	0
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	216	0	0	0	52	61	103

Bình Tân, ngày 1 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thu Hiền